# CHUYÊN ĐỀ VI. SINH THÁI

## Chủ đề 1. Môi trường - Sinh vật

**A. Phương pháp giải**

   **I. Môi trường và các nhân tố sinh thái**

   *1. Định nghĩa*

   - Môi trường sống của sinh vật bao gồm tất cả các yếu tố bao quanh sinh vật.

   - Có 4 loại môi trường: môi trường nước; môi trường đất – không khí; môi trường trong đất; môi trường sinh vật.

   - Nhân tố sinh thái là những yếu tố của môi trường tác động đến sinh vật.

   - Các nhân tố sinh thái có thể xếp thành 2 loại chính là các nhân tố vô sinh và các nhân tố hữu sinh; trong đó nhóm nhân tố hữu sinh lại chia thành nhân tố con người và nhân tố các sinh vật khác.

   *2. Giới hạn sinh thái*

   - Giới hạn sinh thái của sinh vật với một nhân tố sinh thái là giới hạn chịu đựng của sinh vật đối với nhân tố sinh thái đó.

   - Ví dụ: giới hạn nhiệt độ của cá rô phi ở Việt Nam.



   **II. Ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái lên sinh vật**

   *1. Ảnh hưởng của ánh sáng*

a. Ảnh hưởng của ánh sáng đên thực vật

   - Ánh sáng có ảnh hưởng lớn tới hình thái và hoạt động sinh lí của cây.

   - Do cây có tính hướng sáng nên các cây mọc trong rừng thường có thân cao, thẳng, cành lá chỉ tập trung ở phần ngọn (hiện tượng tỉa cành tự nhiên) còn các cây mọc đơn ngoài sáng thường thấp, tán rộng.

   - Tuỳ theo khả năng thích nghi với điều kiện chiếu sáng, thực vật chia thành 2 nhóm là nhóm cây ưa sáng và cây ưa bóng.

b. Ảnh hưởng của ánh sáng đến động vật.

   - Ánh sáng ảnh hưởng đến đời sống động vật, tạo điều kiện cho động vật nhận biết các vật và định hướng di chuyển cho sinh vật trong không gian.

   - Ánh sáng ảnh hưởng đến hoạt động, khả năng sinh trưởng và sinh sản của động vật.

   - Có 2 nhóm động vật cơ bản: động vật ưa sáng và động vật ưa tối.

   *2 Ảnh hưởng của nhiệt độ đến đời sống sinh vật*

   - Nhiệt độ của môi trường ảnh hưởng đến hình thái, hoạt động sinh lí của sinh vật.

   - Sinh vật được chia thành sinh vật hằng nhiệt và sinh vật biến nhiệt.

   - Đa số sinh vật sống trong phạm vi nhiệt độ từ 0 – 50oC. Tuy nhiên, cũng có một số sinh vật nhờ khả năng thích nghi mà có thể sống ở những nhiệt độ rất thấp hoặc rất cao.

   *3. Ảnh hưởng của độ ẩm đến đời sống sinh vật*

   - Thực vật và động vật đều có những đặc điểm khác nhau để thích nghi với các điều kiện môi trường có độ ẩm khác nhau.

   - Dựa vào mức độ thích nghi của sinh vật với độ ẩm, thực vật được chia thành 2 nhóm là thựa vật ưa ẩm và thực vật chịu hạn còn động vật thì chia thành 2 nhóm là động vật ưa ẩm và động vật ưa khô.

   *4. Ảnh hưởng giữa các sinh vật với nhau*

a. Trong cùng 1 loài

   - Các cá thể sinh vật cùng loài sống gần nhau, liên hệ với nhau hình thành lên nhóm cá thể.

   - Trong điều kiện môi trường thuận lợi, các cá thể cùng loài sống tụ tập với nhau tạo ra các quần tụ cá thể, hỗ trợ nhau khai thác các điều kiện môi trường.

   - Trong điều kiện môi trường bất lợi, các cá thể cạnh tranh nhau gay gắt dẫn đến một số hiện tượng như tự tỉa cành, ăn lẫn nhau, …

b. Các loài khác nhau.

   Giữa các loài khác nhau có 2 dạng quan hệ là hỗ trợ và đối địch.

**B. Bài tập tự luận**

**Câu 1:** Môi trường là gì? Có những loại môi trường sống nào?

**Trả lời**

   - Môi trường sống của sinh vật bao gồm tất cả các yếu tố bao quanh sinh vật.

   - Có 4 loại môi trường: môi trường nước; môi trường đất – không khí; môi trường trong đất; môi trường sinh vật.

**Câu 2:** Nhân tố sinh thái là gì? Có những loại nhân tố sinh thái nào? Ví dụ

**Trả lời**

   - Nhân tố sinh thái là những yếu tố của môi trường tác động đến sinh vật.

   - Các nhân tố sinh thái có thể xếp thành 2 loại chính là các nhân tố vô sinh và các nhân tố hữu sinh; trong đó nhóm nhân tố hữu sinh lại chia thành nhân tố con người và nhân tố các sinh vật khác.

   Ví dụ:

   - Nhân tố vô sinh: ánh sáng, độ ẩm, nhiệt độ, …

   - Nhân tố con người: kĩ thuật chăm sóc, khói bụi, rác thải, …

   - Nhân tố các sinh vật khác: quan hệ giữa các sinh vật với nhau.

**Câu 3:** Vẽ sơ đồ giới hạn sinh thái của cá rô phi ở Việt Nam biết rằng, loài cá này có giới hạn chịu nhiệt từ 5oC đến 42oC, trong đó điểm cực thuận là 30oC.

**Trả lời**



**Câu 4:** Hãy nêu sự khác nhau giữa cây ưa sáng và cây ưa bóng

**Trả lời**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cây ưa sáng** | **Cây ưa bóng** |
| - Phiến lá nhỏ, hẹp, màu xanh nhạt.- Lá có tầng cu-tin dày, mô giậu phát triển.- Thân cây thấp, số cành nhiều (khi mọc riêng rẽ) hoặc thân cao,thẳng, cành tập trung ở ngọn (khi mọc trong rừng).- Cường độ quang hợp cao khi ánh sáng mạnh.- Điều tiết thoát hơi nước linh hoạt. | - Phiến lá lớn, màu xanh thẫm.- Lá có mô giậu kém phát triển.- Chiều cao thân bị hạn chế.- Cường độ quang hợp yếu khi ánh sáng mạnh, cây có khả năng quang hợp khi ánh sáng yếu.- Điều tiết thoát hơi nước kém. |

**C. Bài tập trắc nghiệm rèn luyện kĩ năng**

**Sử dụng đoạn câu sau đây để trả lời câu hỏi 1, 2 và 3**

*Tập hợp tất cả những gì bao quanh sinh vật được gọi là….(I)…..Các yếu tố của môI trường đều trực tiếp hoặc gián tiếp ảnh hưởng đến….(II)….của sinh vật. Có 4 loại môi trường là môi trường đất, môi trường…(III)…, môi trường không khí và môi trường…(IV)…..*

**Câu 1:** Số (I) là:

**A.** môi trường **B.** nhân tố sinh thái **C.** nhân tố vô cơ **D.** nhân tố hữu sinh

**Câu 2:** Số (II) là:

**A.** hoạt động và sinh sản **B.** trao đổi chất và phát triển

**C.** sự sống, sự phát triển và sự sinh sản **D.** sự lớn lên và hoạt động

**Câu 3:** Số (III) và (IV) là:

**A.** (III): nước ; (IV): vô cơ **B.** (III): hữu cơ ; (IV): vô cơ

**C.** (III): hữu cơ ; (IV): sinh vật **D.** (III): sinh vật ; (IV): nước

**Câu 4:** Môi trường là:

**A.** Nguồn thức ăn cung cấp cho sinh vật **B.** Các yếu tố của khí hậu tác động lên sinh vật

**C.** Tập hợp tất cả các yếu tố bao quanh sinh vật **D.** Các yếu tố về nhiệt độ, độ ẩm

**Câu 5:** Các loại môi trường chủ yếu của sinh vật là:

**A.** Đất, nước, trên mặt đất- không khí **B.** Đất, trên mặt đất- không khí

**C.** Đất, nướcvà sinh vật **D.** Đất, nước, trên mặt đất- không khí và sinh vật

**Câu 6:** Môi trường sống của cây xanh là:

**A.** Đất và không khí **B.** Đất và nước **C.** Không khí và nước **D.** Đất

**Câu 7:** Môi trường sống của vi sinh vật là:

**A.** Đất, nước và không khí **B.** Đất, nước, không khí và cơ thể sinh vật

**C.** Đất, không khí và cơ thể động vật **D.** Không khí, nước và cơ thể thực vật

**Câu 8:** Môi trường sống của giun đũa là:

**A.** Đất, nước và không khí **B.** Ruột của động vật và người

**C.** Da của động vật và người; trong nước **D.** Tất cả các loại môi trường

**Câu 9:** Da người có thể là môi trường sống của:

**A.** Giun đũa kí sinh **B.** chấy, rận, nấm **C.** Sâu **D.** Thực vật bậc thấp

**Câu 10:** Nhân tố sinh thái là.... tác động đến sinh vật:

**A.** nhiệt độ **B.** các nhân tố của môi trường

**C.** nước **D.** ánh sáng

**Câu 11:** Yếu tố nào dưới đây là nhân tố hữu sinh:

**A.** Ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm **B.** Chế độ khí hậu, nước, ánh sáng

**C.** Con người và các sinh vật khác **D.** Các sinh vật khác và ánh sáng

**Câu 12:** Yếu tố ánh sáng thuộc nhóm nhân tố sinh thái:

**A.** Vô sinh **B.** Hữu sinh **C.** Vô cơ **D.** Chất hữu cơ

**Câu 13:** Có thể xếp con người vào nhóm nhân tố sinh thái:

**A.** Vô sinh **B.** Hữu sinh **C.** Hữu sinh và vô sinh **D.** Hữu cơ

**Câu 14:** Giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với một nhân tố sinh thái nhất định được gọi:

**A.** Giới hạn sinh thái **B.** Tác động sinh thái **C.** Khả năng cơ thể **D.** Sức bền của cơ thể

**Câu 15:** Tuỳ theo khả năng thích nghi của thực vật với nhân tố ánh sáng, người ta chia thực vật làm 2 nhóm là:

**A.** Nhóm kị sáng và nhóm kị bóng **B.** Nhóm ưa sáng và nhóm kị bóng

**C.** Nhóm kị sáng và nhóm ưa bóng **D.** Nhóm ưa sáng và nhóm ưa bóng

**Câu 16:** Loài thực vật dưới đây thuộc nhóm ưa sáng là:

**A.** Cây lúa **B.** Cây ngô **C.** Cây thầu dầu **D.** Cả A, B và C đều đúng

**Câu 17:** Loại cây nào sau đây là cây ưa bóng?

**A.** cây xương rồng **B.** cây phượng vĩ **C.** Cây me đất **D.** Cây dưa chuột

**Câu 18:** Hoạt động dưới đây của cây xanh chịu ảnh hưởng nhiều bởi ánh sáng là:

**A.** Hô hấp **B.** Quang hợp **C.** Hút nước **D.** Cả 3 hoạt động trên

**Câu 19:** Cây phù hợp với môi trường râm mát là:

**A.** Cây vạn niên thanh **B.** cây xà cừ **C.** Cây phi lao **D.** Cây bach đàn

**Câu 20:** Cây thích nghi với nơi quang đãng là:

**A.** Cây ráy **B.** Cây thông **C.** Cây vạn niên thanh **D.** Cây me đất

**Câu 21:** Tuỳ theo khả năng thích nghi của động vật với ánh sáng, người ta phân chia chúng thành 2 nhóm động vật là:

**A.** Nhóm động vật ưa bóng và nhóm ưa tối **B.** Nhóm động vật ưa sáng và nhóm kị tối

**C.** Nhóm động vật ưa sáng và nhóm ưa tối **D.** Nhóm động vật kị sáng và nhóm kị tối

**Câu 22:** Động vật nào sau đây là động vật ưa sáng?

**A.** Thằn lằn **B.** Muỗi **C.** dơi **D.** Cả A, B và C đều đúng

**Câu 23:** Động vật nào sau đây là động vật ưa tối?

**A.** Sơn dương **B.** Đà điểu **C.** Gián **D.** Chim sâu

**Câu 24:** Điều nào sau đây đúng khi nói về chim cú mèo?

**A.** Là loài động vật biến nhiệt **B.** Tìm mồi vào buổi sáng sớm

**C.** Chỉ ăn thức ăn thực vật và côn trùng **D.** Tìm mồi vào ban đêm

**Câu 25:** Các loài thú sau đây hoạt động vào ban đêm là:

**A.** Chồn, dê, cừu **B.** Trâu, bò, dơi **C.** Cáo, sóc, dê **D.** Dơi, chồn, sóc

**Đáp án và hướng dẫn giải**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. A | 6. B | 11. C | 16. D | 21. C |
| 2. D | 7. B | 12. A | 17. C | 22. A |
| 3. D | 8. D | 13. B | 18. D | 23. B |
| 4. C | 9. B | 14. A | 19. A | 24. D |
| 5. D | 10. B | 15. D | 20. B | 25. D |

## Chủ đề 2. Quần thể

**A. Phương pháp giải**

   **I. Quần thể**

   *1. Định nghĩa*

   - Quần thể sinh vật là tập hợp các cá thể cùng loài, sinh sống trong một khoảng không gian nhất định, ở một thời điểm xác định, những cá thể có khả năng sinh sản tạo thành thế hệ mới.

   Ví dụ: Tập hợp các con cá mè đang được nuôi trong cùng 1 ao là một quần thể. Trong đó tập hợp các cá thể cá mè, cá chép, cá rô phi trong ao đó không được tính là một quần thể.

   *2. Những đặc trưng cơ bản*

a. Tỉ lệ giới tính

   - Tỉ lệ giới tính là tỉ lệ giữa số lượng cá thể đực/cá thể cái.

   - Tỉ lệ giới tính thay đổi chủ yếu theo nhóm tuổi của quần thể và phụ thuộc vào sự tử vong không đồng đều giữa cá thể đực và cái.

   - Tỉ lệ đực/cái quan trọng vì nó cho thấy tiền năng sinh sản của quần thể.

b. Thành phần nhóm tuổi

   - Trong 1 quần thể, thông thường có 3 nhóm tuổi chính là: nhóm tuổi trước sinh sản, nhóm tuổi sinh sản, nhóm tuổi sau sinh sản.

   - Để biểu diễn thành phần nhóm tuổi, người ta sử dụng các tháp tuổi. Có 3 dạng tháp tuổi như sau:



   A: Tháp tuổi dạng phát triển

   B: Tháp tuổi dạng ổn định

   C: Tháp tuổi dạng giảm sút

c. Mật độ quần thể

   - Mật độ quần thể là số lượng hay khối lượng sinh vật có trong một đơn vị diện tích hay thể tích.

   - Mật độ quần thể không cố định mà thay đổi theo mùa, theo năm và phụ thuộc vào chu kì sống của sinh vật.

   - Mật độ quần thể là một đặc trưng quan trọng nhất của quần thể vì nó quyết định mức sử dụng nguồn sống trong môi trường và khả năng sinh sản và tử vong của cá thể.

   *3. Quần thể người*

   - Ngoài các đặc điểm sinh học như quần thể các sinh vật khác, quần thể người có những đặc trưng kinh tế - xã hội như pháp luật, kinh tế, giáo dục, …

   - Tháp tuổi ở người chia thành 2 nửa: nửa bên phải biểu thị các nhóm tuổi của nữ, nửa bên trái biểu thị các nhóm tuổi của nam.

   - Tăng dân số tự nhiên là kết quả của số người sinh ra nhiều hơn số người tử vong. Trong thực tế, sự tăng giảm dân số còn chịu ảnh hưởng của sự di cư.

   - Việc tăng dân số quá nhanh có thể dẫn đến nhiều ảnh hưởng xấu đến môi trường và xã hội như: thiếu nơi ở, thiếu lương thực, thiếu các cơ sở hạ tầng, … chặt phá rừng, ô nhiễm môi trường.

   - Để hạn chế ảnh hưởng xấu của sự gia tăng dân số, mỗi quốc gia cần phải có chính sách phát triển dân số hợp lí.

   **II. Quần xã**

   *1. Định nghĩa*

   Quần xã sinh vật là một tập hợp các quần thể sinh vật thuộc nhiều lài khác nhau cùng sống trong một không gian nhất định.

   Ví dụ: quần xã rừng mưa nhiệt đới, quần xã rừng ngập mặn ven biển, …

   *2. Các đặc điểm của quần xã*



   *3. Mối quan hệ giữa quần xã và ngoại cảnh*

   - Các nhân tố vô sinh và hữu sinh luôn ảnh hưởng đến quần xã.

   - Số lượng cá thể của mỗi quần thể trong quần xã luôn luôn được khống chế ở mức độ phù hợp với khả năng của môi trường, tạo nên sự cân bằng sinh học trong quần xã.

   **III. Hệ sinh thái**

   *1. Định nghĩa:*

   - Hệ sinh thái bao gồm quần xã sinh vật và khu vực sống của quần xã đó (sinh cảnh).

   - Trong hệ sinh thái, các sinh vật luôn tác động lẫn nhau và tác động lại với các nhân tố vô sinh của môi trường tạo thành 1 hệ thống hoàn chỉnh và tương đối ổn định.

   - Một hệ sinh thái hoàn chỉnh có các thành phần chủ yếu sau:

    • Các thành phần vô cơ như: đất đá, nước, chất khoáng, …

    • Sinh vật sản xuất: thực vật.

    • Sinh vật tiêu thụ: động vật ăn thực vật và động vật ăn thịt.

    • Sinh vật phân giải.

   *2. Chuỗi thức ăn và lưới thức ăn*

a. Chuỗi thức ăn.

   - Chuỗi thức ăn là một dãy nhiều loài sinh vật có quan hệ đinh dưỡng với nhau. Mỗi loài trong chuỗi thức ăn vừa là sinh vật tiêu thụ mắt xích phía sau, vừa là sinh vật bị mắt xích phía trước tiêu thụ.

   Ví dụ: Cây xanh → Sâu → Bọ ngựa

b. Lưới thức ăn

   - Chuỗi thức ăn là một tặp hợp các lưới thức ăn có chung nhiều mắt xích tồn tại trong một hệ sinh thái.

**B. Bài tập tự luận**

**Câu 1:** Quần thể là gì? Hãy nêu ví dụ về một số quần thể mà em biết.

**Trả lời**

   Quần thể sinh vật là tập hợp các cá thể cùng loài, sinh sống trong một khoảng không gian nhất định, ở một thời điểm xác định, những cá thể có khả năng sinh sản tạo thành thế hệ mới.

   Ví dụ: quần thể cây thông trên đồi thông, quần thể cá chép nuôi trong 1 ao cá, quần thể lúa trên một cánh đồng.

**Câu 2:** Các đặc trưng cơ bản của quần thể là gì? Đặc trưng nào là quan trọng nhất? Vì sao?

**Trả lời**

   - Quần thể có 3 đặc trưng cơ bản là: tỉ lệ đực cái, thành phần nhóm tuổi và mật độ cá thể.

   - Trong đó, đặc trưng quan trọng nhất là mật độ cá thể. Vì nó quyết định mức sử dụng nguồn sống trong môi trường và khả năng sinh sản và tử vong của cá thể.

**Câu 3:** Những điểm giống và khác nhau giữa quần thể người và quần thể các sinh vật khác là gì?

**Trả lời**

   Những điểm giống nhau và khác nhau giữa quần thể người và quần thể các sinh vật khác là:

**a. Giống nhau**

   - Đều là các sinh vật sống thành quần thể.

   - Đều có các đặc trưng cơ bản cho từng quần thể như: tỉ lệ giới tính, thành phần nhóm tuổi, mật độ, …

   - Đều có khả năng bị biến động số lượng do các tác nhân ngẫu nhiên.

   - Đều có cơ chế cân bằng quần thể dựa vào tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử. **b. Khác nhau**

   - Nhờ có tư duy trừu tượng, con người có các đặc điểm mà các quần thể sinh vật khác không có như: văn hoá, giáo dục, kinh tế, …

   - Do luật kết hôn và văn hoá, ở quần thể người chỉ được kết hôn một vợ - một chồng và số con hạn chế vì vậy con người chủ động điều chỉnh được mật độ, sự cạnh tranh giữa các cá thể không gay gắt như các sinh vật khác.

   - Nhờ vào lao động và tư duy, con người cải tạo thiên nhiên, tự tạo ra môi trường sống thích hợp mà các quần thể khác không làm được.

**Câu 4:** Tại sao mỗi quốc gia cần có chính sách phát triển dân số hợp lí?

**Trả lời**

   - Phát triển dân số hợp lí là điều kiện để phát triển bền vững của mỗi Quốc gia, tạo sự hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với sử dụng hợp lí tài nguyên, môi trường của đất nước.

   - Phát triển dân số hợp lí là không dể dân số tăng quá nhanh dẫn tới thiếu nơi ở, nguồn thức ãn, nước uống, ô nhiễm môi trường, tàn phá rừng và các tài nguyên khác. Đồng thời cũng không để dân số giảm sút quá mức dẫn tới thiếu hụt nguồn lao động, khai thác tài nguyên không hợp lí, …

   - Phát triển dân số hợp lí là nhằm mục đích đảm bảo tốt chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân, gia đình và toàn xã hội, mọi người trong xă hội đều được nuôi dưỡng, chăm sóc và có điều kiện phát triển tốt.

**Câu 5:** Quần xã sinh vật là gì? Những đặc điểm cơ bản của một quần xã là gì?

**Trả lời**

   - Quần xã sinh vật là là một tập hợp các quần thể sinh vật thuộc nhiều lài khác nhau cùng sống trong một không gian nhất định.

   - Những đặc điểm cơ bản của một quần xã là:

    + Số lượng loài thể hiện qua các chỉ số về: độ đa dạng, độ nhiều và độ thường gặp.

    + Thành phần loài trong quần xã có 2 chỉ số là loài ưu thế và loài đặc trưng.

**C. Bài tập trắc nghiệm rèn luyện kĩ năng**

**Sử dụng đoạn câu dưới đây để trả lời câu hỏi từ số 1 đến số 4**

*……((I)…là tập hợp các cá thể cùng loài, cùng sống trong…..(II)….ở một thời điểm nhất định.Những cá thể trong quần thể có khả năng….(III)….. và nhờ đó giúp cho quần thể có khả năng…..(IV)…..,tạo ra những thế hệ mới.*

**Câu 1:** Số (I) là:

**A.** quần thể sinh vật **B.** quần xã sinh vật **C.** nhóm sinh vật **D.** số lượng sinh vật

**Câu 2:** Số (II) là:

**A.** nhiều khu vực sống khác nhau **B.** các môi trường sống khác nhau

**C.** một khoảng không gian xác định **D.** một khoảng không gian rộng lớn trong tự nhiên

**Câu 3:** Số (III) là:

**A.** cạnh tranh nguồn thức ăn trong tự nhiên **B.** giao phối tự do với nhau

**C.** hỗ trợ nhau trong quá trình sống **D.** kìm hãm sự phát triển của nhau

**Câu 4:** Số (IV) là:

**A.** cạnh tranh **B.** thay đổi thành phần

**C.** sinh sản **D.** thay đổi môi trường sống

**Câu 5:** Tập hợp sinh vật nào sau đây là quần thể sinh vật:

**A.** Các cây xanh trong một khu rừng **B.** Các động vật cùng sống trên một đồng cỏ

**C.** Các cá thể chuột cùng sống trên một đồng lúa **D.** Cả A, B và đều đúng

**Câu 6:** Tập hợp sinh vật dưới đây không phải là quần thể sinh vật tự nhiên:

**A.** Các cây thông mọc tự nhiên trên một đồi thông **B.** Các con lợn nuôi trong một trại chăn nuôi

**C.** Các con sói trong một khu rừng **D.** Các con ong mật trong một vườn hoa

**Câu 7:** Đặc điểm sau đây không được xem là điểm đặc trưng của quần thể là:

**A.** Tỉ lệ giới tính của các cá thể trong quần thể **B.** Thời gian hình thành của quần thể

**C.** Thành phần nhóm tuổi của các cá thể **D.** Mật độ của quần thể

**Câu 8:** Các cá thể trong quần thể được phân chia làm các nhóm tuổi là:

**A.** Ấu trùng, giai đoạn sinh trưởng và trưởng thành **B.** Trẻ, trưởng thành và già

**C.** Trước sinh sản, sinh sản và sau sinh sản **D.** Trước giao phối và sau giao phối

**Câu 9:** Nhóm tuổi nào của các cá thể không còn khả năng ảnh hưởng tới sự phát triển của quần thể?

**A.** Nhóm tuổi sau sinh sản **B.** Nhóm tuổi còn non và nhóm sau sinh sản

**C.** Nhóm trước sinh sản và nhóm sau sinh sản **D.** Nhóm trước sinh sản và nhóm sinh sản

**Câu 10:** Ý nghĩa của nhóm tuổi trước sinh sản trong quần thể là:

**A.** Không làm giảm khả năng sinh sản của quần thể

**B.** Có vai trò chủ yếu làm tăng trưởng khối lượng và kích thước của quần thể

**C.** Làm giảm mật độ trong tương lai của quần thể

**D.** Không ảnh hưởng đến sự phát triển của quần thể

**Câu 11:** Mật độ của quần thể được xác định bằng số lượng cá thể sinh vật có ở:

**A.** Một khu vực nhất định **B.** Một khoảng không gian rộng lớn

**C.** Một đơn vị diện tích **D.** Một đơn vị diện tích hay thể tích

**Câu 12:** Số lượng cá thể trong quần thể tăng cao khi:

**A.** xảy ra sự cạnh tranh gay gắt trong quần thể **B.** Nguồn thức dồi dào và nơi ở rộng rãi

**C.** Xuất hiện nhiều kẻ thù trong môi trường sống **D.** Dich bệnh lan tràn

**Câu 13:** Những đặc điểm đều có ở quần thể người và các quần thể sinh vật khác là:

**A.** Giới tính, sinh sản, hôn nhân, văn hoá **B.** Giới tính, lứa tuổi, mật độ, sinh và tử

**C.** Văn hoá, giáo dục, mật độ, sinh và tử **D.** Hôn nhân, giới tính, mật độ

**Câu 14:** Những đặc điểm chỉ có ở quần thể người mà không có ở quần thể sinh vật khác là:

**A.** Giói tính, pháp luật, kinh tế, văn hoá **B.** Sinh sản, giáo dục, hôn nhân, kinh tế

**C.** Pháp luật, kinh tế, văn hoá, giáo dục, hôn nhân **D.** Tử vong, văn hoá, giáo dục, sinh sản

**Câu 15:** Những yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của con người và đến chính sách kinh tế, xã hội của mỗi quốc gia?

**A.** Tỉ lệ giới tính **B.** Sự tăng giảm dân số

**C.** Thành phần nhóm tuổi **D.** Cả 3 yếu tố A, B và C

**Câu 16:** Yếu tố cơ bản nhất ảnh hưởng đến việc tăng hoặc giảm dân số ở quần thể người là:

**A.** Mật độ dân số trên một khu vực nào đó **B.** Tương quan giữa tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử vong

**C.** Tỉ lệ giới tính **D.** Mật độ và lứa tuổi trong quần thể người

**Câu 17:** Hiện tượng tăng dân số tự nhiên là do:

**A.** Số người sinh ra nhiều hơn số người tử vong **B.** Số người sinh ra và số người tử vong bằng nhau

**C.** Số người sinh ra ít hơn số người tử vong **D.** Chỉ có sinh ra, không có tử vong

**Câu 18:** Hiện tượng tăng dân số cơ học là do:

**A.** Tỉ lệ sinh cao hơn nhiều so với tỉ lệ tử vong

**B.** Tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử vong bằng nhau

**C.** Số người nhập cư nhiều hơn lượng người xuất cư

**D.** Lượng người xuất cư nhiều hơn lượng người nhập cư

**Câu 19:** Hậu quả dẫn đến từ sự gia tăng dân số quá nhanh là:

**A.** Điều kiện sống của người dân được nâng cao hơn

**B.** Trẻ được hưởng các điều kiện để hoch hành tốt hơng

**C.** Thiếu lương thực, thiếu nơi ở, trường học và bệnh viện

**D.** Nguồn tài nguyên ít bị khai thác hơn

**Câu 20:** Để góp phần cải thiện và năng cao chất lượng cuộc sống của người dân, điều cần làm là:

**A.** Xây dựng gia đình với qui mô nhỏ, mỗi gia đình chỉ nên có từ 1 đến 2 con

**B.** Tăng cường và tận dụng khai thác nguồn tài nguyên

**C.** Chặt, phá cây rừng nhiều hơn

**D.** Tăng tỉ lệ sinh trong cả nước

**Câu 21:** Điều đúng khi nói về thành phần của quần xã sinh vật:

**A.** Tập hợp các sinh vật cùng loài **B.** Tập hợp các cá thể sinh vật khác loài

**C.** Tập hợp các quần thể sinh vật khác loài **D.** Tập hợp toàn bộ các sinh vật trong tự nhiên

**Sử dụng đoạn câu dưới đây để trả lời câu hỏi từ số 22 đến số 24**

*Quần xã sinh vật là một tập hợp những….(I)…. thuộc….(II)…..cùng sống trong một không gian xác định. Các sinh vật trong quần xã có mói quan hệ gắn bó với nhau như một thể thống nhất và do vậy, quần xã là một cấu trúc…..(III)….*

**Câu 22:** Số (I) là:

**A.** cá thể sinh vật **B.** quần thể sinh vật **C.** loài sinh vật **D.** sinh vật

**Câu 23:** Số (II) là:

**A.** nhiều loài khác nhau **B.** cùng một loài **C.** các cơ thể khác nhau **D.** tất cả các loài

**Câu 24:** Số (III) là:

**A.** không ổn định **B.** luôn biến động **C.** tương đối ổn định **D.** hoàn chỉnh

**Câu 25:** Điểm giống nhau giữa quần thể sinh vật và quần xã sinh vật là:

**A.** Tập hợp nhiều quần thể sinh vật **B.** Tập hợp nhiều cá thể sinh vật

**C.** Gồm các sinh vật trong cùng một loài **D.** Gồm các sinh vật khác loài

**Đáp án và hướng dẫn giải**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. A | 6. B | 11. D | 16. B | 21. C |
| 2. D | 7. B | 12. B | 17. A | 22. B |
| 3. B | 8. C | 13. B | 18. A | 23. A |
| 4. C | 9. A | 14. C | 19. C | 24. C |
| 5. C | 10. B | 15. D | 20. A | 25. B |

## Chủ đề 3. Con người - Môi trường

**A. Phương pháp giải**

   **I. Tác động của con người với môi trường.**

   - Con người trải qua các thời kì lịch sử khác nhau đã tác động đến môi trường sống.

   - Nhiều hoạt động của con người gây hậu quả xấu đến môi trường. Tác động lớn nhất là các hoạt động: đốt rừng để săn bắn, canh tác đất nông nghiệp, khai thác khoáng sản, …

   - Các hoạt động của con người gây phá huỷ thảm thực vật, từ đó gây xói mòn và thoái hoá đất, ô nhiễm môi trường, hạn hán, lũ lụt, …

   **II. Ô nhiễm môi trường**

   *1. Định nghĩa*

   - Ô nhiễm môi trườn là hiện tượng môi trường bị bẩn, đồng thời các tính chất vật lí, hoá học, sinh học của môi trường bị thay đổi, gây tác hại tới đời sống của con người và các sinh vật khác.

   - Ô nhiễm chủ yếu do con người gây ra. Ngoài ra, ô nhiễm còn do một số hoạt động của tự nhiên: núi lửa phun trào, lũ lụt, thiên tai, …

   *2. Các tác nhân gây ô nhiễm chủ yếu*

   - Ô nhiễm do các chất khí CO, SO2, CO2, NO2, … và bụi thải ra từ các hoạt động đốt cháy nhiên liệu dùng trong công nghiệp và sinh hoạt.

   - Ô nhiễm do hoá chất bảo vệ thực vật và chất độc háo học

   - Ô nhiễm chất phóng xạ từ chất thải từ các công trường khái thác chất phóng xạ, các nhà máy điện nguyên tử và các vụ thử vũ khí hạt nhân.

   - Ô nhiễm các chất thải rắn được thải ra từ quá trình sản xuất và sinh hoạt.

   - Ô nhiễm do các sinh vật gây bệnh.

   *3. Hạn chế ô nhiễm môi trường*

   - Có nhiều biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường khác nhau.

   - Mỗi người cần có ý thức trách nhiệm trong vấn đề bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan sinh thái.

   **III. Sử dụng hợp lí tài nguyên**

   *1. Các dạng tài nguyên*

   - Có 3 dạng tài nguyên chủ yếu là: tài nguyên tái sinh, tài nguyên không tái sinh và tài nguyên năng lượng vĩnh cửu.

   - Tài nguyên tái sinh: dạng tài nguyên khi sử dụng hợp lí thì sẽ có điều kiện để phát triển phục hồi lại.

   - Tài nguyên không tái sinh: dạng tài nguyên sau một thời gian sử dụng sẽ bị cạn kiệt.

   - Tài nguyên năng lượng vĩnh cửu: năng lương mặt trời, gió, sóng, …

   *2. Sử dụng hợp lí tài nguyên*

   - Tài nguyên thiên nhiên không phải vô tận, con người cần phải sử dụng một cách tiết kiệm và hợp lí.

   - Bảo vệ rừng và cây xanh trên mặt đất sẽ có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ đất, nước và các tài nguyên sinh vật khác.

   *3. Bảo vệ các hệ sinh thái*

   - Trên Trái đất có nhiều hệ sinh thái đa dạng, trong đó quan trọng nhất, cần phải bảo vệ là hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái biển, hệ sinh thái nông nghiệp.

   - Mỗi quốc gia cần có kế hoạch khai thác và bảo vệ các hệ sinh thái đã có, góp phân bảo vệ môi trường Trấi đất.

   *4. Luật Bảo vệ môi trường*

   - Luật bảo vệ môi trường được ban hành nhằm ngăn chăn, khắc phục các hậu quả xấu do hoạt động của con người và thiên nhiên gây ra.

   - Theo Luật Bảo vệ môi trường, tất cả mọi tổ chức, cá nhân đều có trách nhiệm giữ môi trường trong lành, đảm bảo cân bằng sinh thái, ngăn chặn và khắc phục hậu quả xấu xảy ra, khai thác hợp lí tài nguyên; …

**B. Bài tập trắc nghiệm rèn luyện kĩ năng**

**Câu 1:** Xã hội loài người đã trải qua các giai đoạn phát triển, lần lượt theo thứ tự là:

**A.** Thời kì nguyên thuỷ, xã hội nông nghiệp, xã hội công nghiệp

**B.** Xã hội nông nghiệp, thời kì nguyên thuỷ, xã hội công nghiệp

**C.** Thời kì nguyên thuỷ, xã hội công nghiệp, xã hội nông nghiệp

**D.** Xã hội công nghiệp, xã hội nông nghiệp, thời kì nguyên thuỷ

**Câu 2:** Cách sống của con người trong thời kì nguyên thuỷ là:

**A.** Săn bắt động vật hoang dã **B.** Săn bắt động vật và hái lượm

**C.** Đốt rừng và chăn thả gia súc **D.** Khai thác khoáng sản và đốt rừng

**Câu 3:** Con người bắt đầu chăn thả gia súc và trồng trọt ở giai đoạn nào dưới đây?

**A.** Thời kì nguyên thuỷ **B.** Xã hội công nghiệp

**C.** Xã hội nông nghiệp **D.** Khai thác khoáng sản và đốt rừng

**Câu 4:** Tác động đáng kể nhất của con người đối với môi trường trong thời kì nguyên thuỷ là:

**A.** Hái lượm cây rừng và săn bắt động vật hoang dã

**B.** Biết dùng lửa nấu chín thức ăn và sưởi ấm cơ thể, xua thú dữ

**C.** Trồng cây lương thực

**D.** Chăn nuôi gia súc

**Câu 5:** Thành quả kĩ thuật được xem là quan trọng tạo tạo điều kiện để con người chuyển từ sản xuất thủ công sang sản xuất bằng máy móc là:

**A.** Chế tạo ra máy hơi nước **B.** Chế tạo ra các động cơ điện

**C.** Sản xuất ra máy bay và tàu thuỷ **D.** Chế tạo ra xe ô tô

**Câu 6:** Nền sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn xã hội công nghiệp được tiến hành chủ yếu bằng các phương tiện:

**A.** Thủ công **B.** Bán thủ công **C.** Sức kéo động vật **D.** Cơ giới hoá

**Câu 7:** Nguồn tài nguyên khoáng sản được con người tận dụng khai thác nhiều nhất ở giai đoạn là:

**A.** Thời kì nguyên thuỷ **B.** Xã hội nông nghiệp **C.** Xã hội công nghiệp **D.** Cả A và B đều đúng

**Câu 8:** Hậu quả dẫn đến từ việc con người chặt phá rừng bừa bãi và gây cháy rừng là:

**A.** Đất bị xói mòn và thoái hoá do thiếu rễ cây giữ đất

**B.** Thiếu rễ cây giữ nước, nước ngầm bị tụt sâu hơn và đất bị khô cằn

**C.** Thú rừng giảm do thiếu môi trường sống và nơi sinh sản

**D.** Cả A, B và C đều đúng

**Câu 9:** Rừng có ý nghĩa gì đối với tự nhiên và con người?

**A.** Cung cấp gỗ, củi đốt, nguồn thực phẩm thú rừng cho người

**B.** Điều hoà khí hậu và góp phần cân bằng sinh thái

**C.** Giữ nước ngầm do thiếu môi trường sống và nơi sinh sản

**D.** Cả A, B, C đều đúng

**Câu 10:** Chọn câu có nội dung đúng trong các câu sau đây:

**A.** Trong xã hội công nghiệp, cách sống cơ bản của con người là săn bắt và hái lượm cây rừng

**B.** Con người bắt đầu biết dùng lửa ở xã hội nông nghiệp

**C.** Việc đốt phá rừng bừa bãi của con người gây nhiều hậu quả xấu

**D.** Con người chế tạo được máy hơi nước ở giai đoạn xã hội nông nghiệp

**Câu 11:** Hãy chọn câu có nội dung sai trong các câu sau đây:

**A.** Thời đại văn minh công nghiệp được mở đầu ở thế kỉ XVIII

**B.** Việc tận dụng khai thác khoáng sản được con người thực hiện vào thời kì nguyên thuỷ

**C.** Máy hơi nước được con người chế tạo ở gai đoạn xã hội công nghiệp

**D.** Một phần đất trồng trọt và đất rừng tự nhiên bị giảm là do đô thị hoá

**Câu 12:** Yếu tố nào sau đây tác động làm suy giảm nguồn tài nguyên động vật và thực vật?

**A.** Sự sinh sản của cây rừng và thú rừng

**B.** Sự gia tăng sinh sản ở con người

**C.** Sự tăng nhanh tốc độ sinh sản của các sinh vật biển

**D.** Sự sinh sản của các nguồn thuỷ sản nước ngọt

**Câu 13:** Để góp phần vào việc bảo vệ tốt môi trường, một trong những điều cần thiết phảI làm là:

**A.** Tăng cường chặt, đốn cây rừng và săn bắt thú rừng

**B.** Tận dụng khai thác tối đa tài nguyên khoáng sản

**C.** Hạn chế sự gia tăng dân số quá nhanh

**D.** Sử dụng càng nhiều thuốc trừ sâu trên đồng ruộng

**Câu 14:** Sự thay đổi các tính chất vật lí, hoá học, sinh học của môi trường, gây tác hại đời sống của con người và các sinh vật khác được gọi là:

**A.** Biến đổi môi trường **B.** Ô nhiếm môi trường **C.** Diến thế sinh thái **D.** Biến động môi trường

**Câu 15:** Tác nhân chủ yếu gây ra ô nhiễm môi trường là:

**A.** Do các loài sinh vật trong quần xã sinh vật tạo ra

**B.** Các điều kiện bất thường của ngoại cảnh, lũ lụt, thiên tai

**C.** Tác động của con người

**D.** Sự thay đổi của khí hậu

**Câu 16:** Yếu tố gây ô nhiễm môi trường nào dưới đây là do các hoạt động công nghiệp và sinh hoạt của con người tạo ra?

**A.** Các khí độc hại như NO2, SO2, CO2....

**B.** Các chất hoá học trên đồng ruộng

**C.** Chất thải hữu cơ như thực phẩm hư hỏng, phân động vật

**D.** Cả A, B, C đều đúng

**Câu 17:** Các khí thải trong không khí chủ yếu có nguồn gốc từ:

**A.** Hoạt động hô hấp của động vật và con người **B.** Quá trình đốt cháy các nhiên liệu

**C.** Hoạt động quang hợp của cây xanh **D.** Quá trình phân giải xác hữu cơ của vi khuẩn

**Câu 18:** Ô nhiễm môi trường dẫn đến hậu quả nào sau đây:

**A.** Ảnh hưởng xấu đến quá trình sản xuất **B.** Sự suy giảm sức khoẻ và mức sống của con người

**C.** Sự tổn thất nguồn tài nguyên dữ trữ **D.** Cả A, B, C đều đúng

**Câu 19:** Yếu tố nào sau đây không phải là các tác nhân hoá học gây ô nhiễm môi trường?

**A.** Lạm dụng thuốc diệt cỏ trong bảo vệ cây trồng

**B.** Dùng quá nhiều thuốc trừ sâu so với nhu cầu cần thiét trên đồng ruộng

**C.** Các khí thải từ các nhà máy công nghiệp

**D.** Các tiếng ồn quá mức do xe cộ và các phương tiện giao thông khác

**Câu 20:** Nguồn năng lượng nào sau đây nếu được sử dụng sẽ tạo ra khả năng gây ô nhiễm môi trường ở mức quá thấp nhất?

**A.** Than đá **B.** Dầu mỏ **C.** Mặt trời **D.** Khí đốt

**Câu 21:** Yếu tố hoặc hoạt động nào sau đây là tác nhân làm môi trường ô nhiễm các chất phóng xạ?

**A.** Chất thải từ công trường khai thác chất phóng xạ **B.** Những vụ thử vũ khí hạt nhân

**C.** Chất thảI của nhà máy điện nguyên tử **D.** Cả A, B, C đều đúng

**Câu 22:** Nguồn gốc gây ra sự ô nhiễm sinh học môi trường sống là do:

**A.** Các khí thải do quá trình đốt cháy nhiên liệu

**B.** Các chất thải từ sinh vật như phân, xác chết, rác bệnh viện

**C.** Các vụ thử vũ khí hạt nhân

**D.** Các bao bì bằng nhựa, cao su thải ra môi trường

**Câu 23:** Trong thời kì nguyên thuỷ, con người đã tác động đáng kể đến môi trường bằng các hoạt động nào sau đây?

**A.** Dùng lửa để nấu nướng, xua đuổi và săn bắt thú rừng đã làm nhiều cánh rừng rộng lớn bị cháy

**B.** Hoạt động trồng trọt và chăn nuôi đã dẫn đến việc chặt phá rừng để lấy đất canh tác và chăn nuôi gia súc

**C.** Máy móc công nghiệp ra đời đã tác động mạnh đến môi trường công nghiệp khai khoáng đã làm mất đi nhiều cánh rừng, đô thị hoá đẫ lấy đi nhiều vùng đất tự nhiên và đất trồng trọt

**D.** Cả B và C

**Câu 24:** Trong thời kì xã hội nông nghiệp, con người đã tác động mạnh đến môi trường bằng các hoạt động nào sau đây?

**A.** Dùng lửa để nấu nướng, xua đuổi và săn bắt thú rừng đã làm nhiều cánh rừng rộng lớn bị cháy

**B.** Hoạt động trồng trọt và chăn nuôi đã dẫn đến việc chặt phá rừng để lấy đất canh tác và chăn nuôi gia súc

**C.** Máy móc công nghiệp ra đời đã tác động mạnh đến môi trường công nghiệp khai khoáng đã làm mất đi nhiều cánh rừng, đô thị hoá đẫ lấy đi nhiều vùng đất tự nhiên và đất trồng trọt

**D.** Cả B và C

**Câu 25:** Trong thời kì xã hội công nghiệp, con người đã tác động mạnh đến môi trường bằng hoạt động nào sau đây?

**A.** Dùng lửa để nấu nướng, xua đuổi và săn bắt thú rừng đã làm nhiều cánh rừng rộng lớn bị cháy

**B.** Hoạt động trồng trọt và chăn nuôi đã dẫn đến việc chặt phá rừng để lấy đất canh tác và chăn nuôi gia súc

**C.** Máy móc công nghiệp ra đời đã tác động mạnh đến môi trường công nghiệp khai khoáng đã làm mất đi nhiều cánh rừng, đô thị hoá đẫ lấy đi nhiều vùng đất tự nhiên và đất trồng trọt

**D.** Cả B và C

**Câu 26:** Nguyên nhân chủ yếu làm mất cân bằng sinh thái là do:

**A.** Hoạt động của con người **B.** Hoạt động của sinh vật

**C.** Hoạt động của núi lửa **D.** Cả A và B

**Câu 27:** Chọn câu đúng trong các câu sau:

**A.** Nhiều hoạt động của con người đã tác động đến môi trường tự nhiên, gây ô nhiễm và làm suy thoái môi trường

**B.** Thảm thực vật bị phá huỷ cũng không ảnh hưởng gì đến khí hậu

**C.** Nhiều hoạt động của động vật có hại đối với môi trường tự nhiên

**D.** Việc săn bắt động vật hoang dã hiện nay không ảnh hưởng đến số lượng loài sinh vật trong tự nhiên và không làm mất cân bằng sinh thái

**Câu 28:** Chọn câu sai trong các câu sau:

**A.** Con người đã và đang nỗ lực bảo vệ, cải tạo môi trường tự nhiên để phát triển bền vững

**B.** Trồng cây gây rừng là một trong những biện pháp phục hồi cân bằng sinh thái

**C.** Mọi người đều có trách nhiện bảo vệ môi trường tự nhiên

**D.** Phá rừng để lấy đất trồng trọt cần phải được khuyến khích

**Câu 29:** Ô nhiễm môi trường là gì?

**A.** Là hiện tượng môi trường tự nhiên bị làm bẩn

**B.** Là hiện tượng thay đổi tính chất vật lí, hoá học và sinh học của môi trường

**C.** Là hiện tượng gây tác động xấu đến môi trường, do đó gây tác hại tới đời sống của sinh vật và con người

**D.** Cả A, Bvà C

**Câu 30:** Các chất bảo vệ thực vật và các chất độc hoá học thường được tích tụ ở đâu?

**A.** Đất, nước **B.** Nước, không khí

**C.** Không khí, đất **D.** Đất, nước, không khí, và trong cỏ thể sinh vật

**Câu 31:** Nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm sinh học do vi sinh vật gây bệnh là gì?

**A.** Các chất thải không được thu gom

**B.** Các chát thải không được xử lí

**C.** Vi sinh vật gây bệnh phát triển trên những chất thải không được thu gom và không được xử lí đúng cách

**D.** Các chất thải đựoc được thu gom nhưng lại không được xử lí

**Câu 32:** Biện pháp nào sau đây được coi là hiệu quả nhất trong việc hạn chế ô nhiễm môi trường?

**A.** Trồng nhiều cây xanh

**B.** Xây dựng các nhà máy xử lí rác thải

**C.** Bảo quản và sử dụng hợp lí hoá chất bảo vệ thực vật

**D.** Giáo dục nâng cao ý thức cho mội người về bảo vệ môi trường

**Câu 33:** Chọn câu sai trong các câu sau:

**A.** Con người hoàn toàn có khả năng hạn chế ô nhiễm môi trường

**B.** Trách nhiệm của chúng ta là phải góp phần bảo vệ môI trường sống cho chính mình và cho các thế hệ mai sau

**C.** Con người không có khả năng hạn chế ô nhiễm môi trường

**D.** Nâng cao ý thức của con người trong việc phòng chống ô nhiễm môi trường là biện pháp quan trọng nhất để hạn chế ô nhiễm môi trường

**Câu 34:** Những biện pháp bảo vệ và cải tạo môi trường là gì?

1. Hạn chế sự tăng nhanh dân số

2. Sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên

3. Tăng cường trông rừng ở khắp mọi nơi

4. Bảo vệ các loài sinh vật

5. Kiểm soát và giảm thiểu các nguồn chất thải gây ô nhiễm

6. Tạo ra các loài vật nuôi, cây trồng có năng suất cao

7. Tăng cường xây dựng các công trình thuỷ điện

Phương án đúng là:

**A.** 1, 2, 3, 4, 7 **B.** 1, 2, 4, 5, 6 **C.** 2, 3, 4, 5, 6 **D.** 1, 3, 4, 5, 7

**Câu 35:** Các tác nhân chủ yếu gây ô nhiễm môi trường là gì?

1.Các khí thải từ hoạt động công nghiệp và sinh hoạt

2. Hoá chất bảo vệ thực vật và chất độc hoá học

3. Các chất phóng xạ

4. Các chất thải rắn

5. Các chất thải do hoạt động xây dựng (vôi, cát, đất, đá…)

6. Ô nhiễm do sinh vật gây ra

7. Các chất độc hại sinh ra trong chiến tranh

Phương án đúng là:

**A.** 1, 2, 3, 4, 6 **B.** 1, 2, 3, 5, 6 **C.** 2, 3, 4, 5, 7 **D.** 1,3, 4, 6, 7

**Đáp án và hướng dẫn giải**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. A | 8. D | 15. C | 22. B | 29. D |
| 2. B | 9. D | 16. A | 23. A | 30. D |
| 3. A | 10. C | 17. B | 24. B | 31. C |
| 4. B | 11. B | 18. D | 25. C | 32. D |
| 5. A | 12. B | 19. D | 26. A | 33. C |
| 6. D | 13. C | 20. C | 27. A | 34. B |
| 7. C | 14. B | 21. D | 28. D | 35. A |